

CÁC YẾU TỐ TÁC ĐỘNG ĐẾN THỊ TRƯỜNG GẠO Ở ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG

TRẦN VÕ HÙNG SƠN - NGUYỄN HIẾU LỘC

Gạo là lương thực chính của gần một nửa dân số trên thế giới, chủ yếu là dân Châu Á. Cuộc cách mạng xanh, thực chất là thay đổi về giống, vào thập niên 1960 đã làm cho sản lượng gạo thế giới tăng gấp đôi. Lượng tăng đó là do hai yếu tố chính: (i) 70% do tăng năng suất và (ii) 30% do tăng diện tích gieo trồng. Tuy nhiên sau đó do nhiều nguyên nhân khác nhau đã làm cho sản lượng lương thực trên thế giới chững lại và có dấu hiệu suy giảm. Nếu điều này tiếp tục thì khủng hoảng lương thực thế giới có thể xảy ra. Những nguyên nhân dẫn đến tình trạng này có thể kể như: (i) Đất bạc màu nhiều mặt do lạm dụng phân bón hóa học, thuốc trừ sâu, (ii) Giá lúa thấp làm cho nông dân bỏ lúa chuyển sang trồng cây khác, (iii) Chính phủ xem nhẹ ngành nông nghiệp, (iv) Diện tích đất nông nghiệp giảm dần với đà tăng đô thị hóa, (v) Dân số tăng đòi hỏi tăng diện tích đất ở và làm giảm đất canh tác.

ĐBSCL ở Việt Nam là vùng chuyên môn hóa trồng lúa, hầu hết gạo xuất khẩu của Việt Nam là từ vùng này mà ra. Bài viết này sử dụng phương pháp phân tích kinh tế lượng sử dụng dữ liệu 10 năm (1989-1999) để tìm hiểu các yếu tố ảnh hưởng đến cung và cầu gạo ở ĐBSCL Việt Nam. Từ kết quả của mô hình nêu trên ta có thể tìm ra các chính sách nhằm đẩy mạnh sản xuất gạo, đặc biệt là gạo xuất khẩu của Việt Nam.

- Những yếu tố ảnh hưởng cầu lúa gạo là:

(i) Tăng dân số: Dân số tăng ảnh hưởng mạnh đến nhu cầu lương thực. Đặc biệt như ở những nước có thu nhập bình quân đầu người thấp, gạo chiếm tỷ trọng chính trong cơ cấu bữa ăn, thì dân số tăng ảnh hưởng mạnh đến cầu.

(ii) Giá bán: Thông thường giá bán lúa gạo có ảnh hưởng nghịch với cầu, khi giá bán tăng thì cầu của người tiêu dùng giảm đi và ngược lại. Tuy nhiên mức độ ảnh hưởng giữa giá bán sản phẩm và cầu giữa các nước có trình độ phát triển khác nhau thì có khác nhau.

(iii) Thu nhập: Thông thường thu nhập và nhu cầu có mối tương quan thuận, tức là khi thu nhập tăng lên thì người ta có nhu cầu tiêu dùng tăng theo. Tuy nhiên đối với lúa gạo thì khi thu

nhập tăng, tiêu dùng cho thực phẩm nói chung có tăng theo nhưng với tốc độ chậm hơn. Ở nơi có thu nhập bình quân đầu người thấp, khi thu nhập giảm thì người ta sẽ chuyển sang dùng loại sản phẩm thay thế như bắp khoai, sắn v.v. Ở nước có thu nhập đầu người cao, người ta sẽ chuyển sang tiêu dùng nhiều hơn những thực phẩm chất lượng cao như thịt, cá, trái cây....

(iv) Nhu cầu tiêu dùng lúa gạo làm thức ăn gia súc, làm giống và nhu cầu khác về gạo như làm nguyên liệu chế biến sản phẩm khác.

Những yếu tố ảnh hưởng đến cung lúa gạo là:

(i) Giá cả: Giá đầu vào (nguyên vật liệu) tăng hay giảm đều làm ảnh hưởng mạnh đến lượng sản xuất. Tương tự giá đầu ra (sản phẩm đem bán) tăng hay giảm đều gây tác động đến sản lượng.

(ii) Đất canh tác: Diện tích gieo trồng có mở rộng hay không phụ thuộc vào giá cả (giá bán sản phẩm và giá tư liệu sản xuất đầu ra). Diện tích tăng làm tăng sản lượng và ngược lại.

(iii) Kỹ thuật canh tác: Yếu tố kỹ thuật thể hiện thông qua biến thời gian. Giả thiết qua thời gian, người ta luôn tìm cách cải tiến kỹ thuật.

(iv) Thời tiết khí hậu: như lượng mưa, nắng... có làm ảnh hưởng mạnh đến sản lượng song là biến số không thể kiểm soát được trong mô hình.

Mô hình phân tích: Mô hình sử dụng các dữ liệu thu thập từ các cơ quan có liên quan và điều tra thực tế. Phạm vi nghiên cứu là sản xuất lúa gạo ở ĐBSCL. Cách tính toán là sử dụng phương pháp hồi quy, ước lượng gộp các phương trình (Phương pháp SURE, trong đó gồm GLS). Các hệ thống phương trình gồm:

5 phương trình:

$$S = f(Pr, Pr-1, Pi, G, A-1, RF)$$

$$Dd = g(Pr, G, Y, Dd-1)$$

$$Se = h(Pe, Pe-1, Se-1, D1)$$

$$Pr = k(Pe, Se, e)$$

$$Pe = d(Pw, Wi)$$

$$l = S - (Dd + Se)$$

Giải thích ký hiệu:

- "1": Năm trước

- S : Tổng cung

- Dd : Tổng cầu của ĐBSCL

- Se : Tổng lượng gạo xuất khẩu của ĐBSCL

- Pr : Giá gạo bình quân trong nước
- Pe : Giá gạo xuất khẩu bình quân
- Pi : Giá đầu vào bình quân (giá phân bình quân)

- A-1 : Diện tích gieo trồng năm trước

- RF : Lượng mưa bình quân

- G : Dân số tăng

- Y : Thu nhập bình quân

- D1 : Biến giả về sự đột ngột tăng giá gạo trên thị trường quốc tế

- l : Lượng gạo còn lại sau khi dành cho tiêu dùng

- Wi : Nhu cầu nhập gạo trên thế giới

Tình hình chung trên thế giới:

Theo các nhà chuyên môn, dựa vào kế hoạch phát triển đến năm 2030 thì sản lượng lương thực thế giới phải tăng ít nhất là 70% mới đáp ứng đủ nhu cầu. Ở Châu Á, Trung Quốc, Ấn Độ, Indonesia là những nước sản xuất và tiêu thụ gạo lớn nhất. Do đó, bất cứ sự thay đổi nào trong cung cầu của các nước này đều sẽ làm ảnh hưởng tới thị trường lúa gạo trên thế giới. Ở Trung Quốc dân số tăng bình quân là 1,3%, diện tích gieo trồng giảm từ 33 triệu ha (1990) xuống còn 31 triệu ha (1995). Về lâu dài, Trung Quốc phải nhập khẩu gạo mới đáp ứng nhu cầu tiêu dùng trong nước. Ấn Độ là nước sản xuất và tiêu thụ lớn hàng thứ hai trên thế giới về lúa gạo. Theo kế hoạch phát triển đến năm 2000, Ấn Độ dự kiến thiếu hụt khoảng 17 triệu tấn. Indonesia là nước lớn thứ năm về sản xuất và tiêu thụ lúa gạo. Mặc dù chính phủ có quan tâm rất nhiều cho phát triển nông nghiệp, song những năm gần đây vẫn thiếu hụt lúa gạo chủ yếu do thời tiết không thuận lợi.

Về mua bán gạo trên thị trường thế giới qua các năm từ năm 1989 đến năm 1995 tăng 51%. Gạo gạo chiếm khoảng 4-5% tổng số sản lượng sản xuất trên thế giới, trong khi đó lúa mì là 20% và ngũ cốc khác là 11%.

Tại Việt Nam, ĐBSCL là vùng chuyên môn hóa sản xuất lúa gạo, đại bộ phận lượng gạo sản xuất của nước ta là từ vùng này. Các chính sách tác động đến vùng này đáng chú ý là: Từ Đại hội Đảng lần thứ VI năm 1986, quyền sử dụng ruộng đất được thừa nhận (Luật đất đai 1988) với thời hạn 15 năm. Đến năm 1993 Luật đất đai sửa đổi cho phép cá nhân chuyển nhượng, thuê, thế chấp... thời hạn cho thuê tăng lên đến 20 năm đối với cây ngắn ngày và 50 năm đối với cây dài ngày. Đạo luật này quy định mức hạn điền không quá 3 ha/hộ. Có ý kiến cho rằng quy định này là một hạn chế trong việc thúc đẩy sản xuất nông nghiệp ở quy mô lớn đối với những hộ có tiềm năng làm ăn lớn. Gần đây nghị quyết của Chính phủ (2/2000) đã mở rộng quyền hạn sử dụng đất trong nông nghiệp thể hiện qua việc khuyến khích phát triển kinh tế trang trại gia đình, cấp giấy chứng nhận.... Giá cả đầu vào,

dầu ra do thị trường quyết định song chính phủ có thể can thiệp vào thị trường thông qua các công cụ thuế suất nhập khẩu, hạn ngạch, tỷ giá hối đoái ... Vấn đề tín dụng được quan tâm thể hiện qua việc thiết lập hệ thống ngân hàng phát triển nông nghiệp, ngân hàng phát triển Đồng bằng sông Cửu Long, ngân hàng dầu tư và phát triển, ngân hàng phục vụ cho người nghèo, quỹ tín dụng v.v. Chính phủ đã tập trung đầu tư nhiều để giải quyết vấn đề thủy lợi.

Kết quả của mô hình sau khi ước lượng: Hệ thống 5 phương trình (cung, cầu, lượng xuất khẩu, giá trong nước, giá xuất khẩu, lượng tồn còn lại sau khi trừ phần tiêu dùng cho ĐBSCL và xuất khẩu) với đầy đủ số liệu 10 năm cho một số kết quả như sau:

- Phân tích phía cung: Trong mô hình lượng cung được cho là ảnh hưởng của các yếu tố chính là giá bán, giá bán năm trước, giá phân bón, tăng dân số, đất canh tác, lượng mưa bình quân.

+ Phản ứng của cung đối với giá bán: Kết quả cho thấy tính chất co giãn của cung theo giá bán không có ý nghĩa, có thể là vì giá lúa hiện nay trên thị trường không cao đủ để tác động đến cung. Ngoài ra theo mô hình cho biết giá bán của năm trước có ảnh hưởng ở mức độ thấp đến cung, đúng ra là cung không co giãn theo giá (hệ số 9,165 quá nhỏ). Theo số liệu năm 1995 thì diện tích đất canh tác ở ĐBSCL dành cho lúa chiếm 92%, điều này cho thấy vai trò quan trọng của lúa ở vùng này. Tức là giá bán có thay đổi trên thị trường, tăng hay giảm, trong những năm qua thì sản xuất lúa của vùng chuyên môn hóa này không có biến động gì lớn.

+ Phản ứng của cung đối với giá đầu vào. Giá đầu vào là giá phân urê. Thường giá đầu vào nghịch dấu với lượng đầu ra. Nhưng kết quả ước lượng cho thấy hệ số của giá phân bón là 0,222 và có ý nghĩa thống kê. Tức là khi giá phân urê có tăng 1% thì lượng cung vẫn tăng 0,222% (theo lý thuyết thông thường thì âm). Lý do này có thể giải thích do chính sách xuất khẩu và tỷ giá hối đoái của chính phủ có thể thúc đẩy nông dân tăng giá sản xuất, mặc dù có một sự gia tăng nào đó về giá phân bón hóa học urê.

+ Yếu tố dân số đối với cung: Trong mô hình này kết quả cho thấy dân số tăng tác động mạnh đến cung, tăng dân số 1% có mối tương quan thuận với sản lượng tăng 0,57%.

+ Yếu tố canh tác: kết quả cho biết khi tăng 1% diện tích canh tác thì sẽ làm tăng sản lượng 1,56%. Có thể đó là do kết quả của chính sách về cải cách kinh tế đối với ruộng đất, ưu tiên đầu tư thủy lợi để thâm canh và mở rộng diện tích.

+ Lượng mưa: kết quả cho thấy hệ số của lượng mưa có tương quan nghịch đối với cung. Kết luận về tác động của biến số này rất khó vì ảnh hưởng của

mưa có thể tốt mà cũng có thể không tốt đối với sản lượng vì điều kiện vùng địa lý, kỹ thuật canh tác khác nhau.

- Phân tích phía cầu:

+ Ảnh hưởng của giá xuất khẩu đối với lượng xuất khẩu:

Kết quả ước lượng cho thấy giá xuất khẩu ảnh hưởng mạnh đối với lượng xuất khẩu. Tăng 1% giá xuất khẩu có tác động làm tăng 0,885% lượng xuất khẩu. Phản ứng này cho thấy tiềm năng xuất khẩu của ĐBSCL là khá mạnh mẽ.

+ Ảnh hưởng của giá xuất khẩu năm trước: Hệ số ước lượng của giá xuất khẩu năm trước tác động đến lượng xuất khẩu rất cao (hệ số 4,673). Điều này cho thấy khả năng cũng như nhu cầu xuất khẩu gạo của ĐBSCL là rất cao. Ảnh hưởng của giá xuất rất lớn, do đó cũng phản ánh lợi thế so sánh của gạo Việt Nam trên thị trường thế giới.

+ Ảnh hưởng lượng xuất khẩu năm trước đối với năm nay: Kết quả cho thấy yếu tố này không có ý nghĩa. Tuy rằng trên mô hình cho thấy kết quả như vậy nhưng trên thực tế lượng gạo xuất khẩu hàng năm của Việt Nam càng tăng cho thấy nước ta đã mở rộng được thị trường và thu hút được bạn hàng nhiều hơn.

+ Ảnh hưởng của giá gạo tăng đột biến trên thị trường: Kết quả cho thấy giá gạo tăng đột biến do tăng cầu đột ngột của một số nước có tác động đến các nước xuất khẩu tăng lượng xuất. Ngược lại, nếu giá rơi xuống đột ngột thì cũng sẽ ảnh hưởng xấu cho nông dân.

+ Mối liên hệ giữa giá nội địa, giá xuất khẩu và giá thế giới. Giá nội địa bị ảnh hưởng mạnh bởi giá xuất khẩu. Kết quả ước lượng cho thấy khi giá thế giới tăng 1% thì giá trong nước tăng 0,694% và giá xuất khẩu tăng 0,376%.

Chúng tôi có thực hiện phân tích độ nhạy đối với các trường hợp như: Tăng lượng xuất khẩu 10%, tăng giá xuất khẩu 5%, giảm giá xuất khẩu 5%, tăng lượng xuất khẩu 10% và tăng giá xuất khẩu 5%; tăng lượng xuất khẩu 10% và giảm giá xuất khẩu 5% để xem kết quả tác động ra sao. Phân tích này áp dụng cho trường hợp nếu Việt Nam áp dụng cách xuất khẩu không bị khống chế bởi hạn ngạch (quota). Kết quả như sau:

- Khi tăng 10% lượng xuất khẩu sẽ làm tăng giá trong nước 109đ/kg, với giá trong nước tăng làm kích thích sản xuất tăng 101.000 tấn (1,1%). Nông dân thu thêm lợi nhuận do giá bán tăng. Khi giá tăng, người tiêu dùng sẽ bị thiệt, nhưng mức thiệt hại này được bù đắp bằng lợi nhuận từ xuất khẩu (tăng 5%) cao hơn mức thiệt hại do tăng giá trong nước (3,75%). Giá cao sẽ làm giảm nhu cầu nhưng ở mức độ không đáng kể. Hơn nữa nếu xem xét cơ cấu chi phí về gạo trong thu nhập hàng tháng của một gia đình trung bình ở thành phố thì chi phí tăng không đáng kể.

- Tăng giá xuất khẩu 5%, kết quả giống như tăng lượng xuất.

- Giảm giá xuất khẩu 5%, nhưng nếu tăng lượng xuất 10% sẽ bù lại phần lỗ do giá giảm.

Kết luận:

Những vấn đề chính sách rút ra trực tiếp từ kết quả ước lượng mô hình là:

1. Ảnh hưởng của diện tích canh tác đối với cung rất cao. Do đó để tăng cung tiếp tục cần khuyến khích mạnh nông dân phát triển kinh tế trang trại gia đình lên quy mô lớn hiệu suất thâm canh cao.

Quy mô đó bao gồm quy mô xét về diện tích đất canh tác cũng như quy mô giá trị sản lượng hàng hóa. Chính sách hạn điền 3ha/hộ ở vùng đồng bằng trồng lúa ở ĐBSCL xét ra vẫn không hợp lý, vì diện tích kênh rạch ao hồ chiếm 5% đất đai của 1 hộ. Mô hình kinh tế trang trại gia đình "hợp tác" có thể huy động tối đa được nguồn lực về vốn, kiến thức, kinh nghiệm của nông dân giỏi ... cho việc phát triển sản xuất lúa gạo nông sản nhiều hơn cho xuất khẩu.

2. Ảnh hưởng của xuất khẩu gạo đã tác động tích cực đến sản xuất và đời sống của nông dân. Tuy nhiên còn nhiều vấn đề phải làm để tăng được giá xuất khẩu gạo như: đầu tư khoa học công nghệ để cải tiến giống, quy trình sản xuất từ gieo trồng đến thu hoạch, chế biến và bảo quản nhằm nâng cao chất lượng gạo.

3. Ảnh hưởng của giá đột biến tăng (hay giảm) trên thị trường thế giới tác động lớn đến lượng cung hàng hóa. Nhưng nông dân có thể thua lỗ nặng khi giá giảm mạnh. Do đó, chính phủ phải có chính sách giá đảm bảo lợi nhuận cho nông dân ít nhất là 20%, đồng thời có chính sách dự trữ an toàn lương thực quốc gia, để xử lý các trường hợp như thiếu lương thực do thiên tai, đáp ứng nhu cầu gạo trong nước kịp thời khi giá xuất khẩu tăng đột biến làm giá trong nước tăng cao....

4. Ảnh hưởng của giá bán lúa gạo đối với tăng cung là cao. Nhưng trong ngắn hạn, chính phủ phải có chính sách hỗ trợ tích cực cho nông dân bằng cách tìm kiếm thị trường ổn định cho việc xuất gạo. Hoặc có chính sách hỗ trợ để các công ty xuất khẩu gạo có khả năng mua lúa dự trữ khi giá xuống, ví dụ áp dụng lãi suất ưu đãi hay không thu lãi trong trường hợp này.

5. Giá xuất khẩu có lợi cho cả nông dân và chính phủ (xã hội). Do đó phải cải tiến khâu marketing, quản lý giảm chi phí vận chuyển, nâng cao chất lượng gạo....

6. Cải tiến chính sách tín dụng để vốn vay có thể đáp ứng nhu cầu và đến được tay người dân.

7. Đối với nông dân nghèo khó khăn có thể cho miễn thuế sử dụng đất. Để lại toàn bộ thuế nông nghiệp thu được cho vào ngân sách địa phương, để tăng trực tiếp đầu tư lại cho xây dựng cơ sở hạ tầng địa phương ■